

**BIỂU PHÍ, LÃI SUẤT THẺ TÍN DỤNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG ƯU TIÊN**  
*Hiệu lực từ ngày 24/07/2026*

| STT      | Loại phí                                                                         | Visa Infinite                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Privilege Visa Signature                                                                         |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------------------------|----------------------------------------------|---------|-------|----------|---------|-------|---------|-------|----------|-------|----------|----|----|----------|----|----|----------|----|----|
| 1        | Phí gia nhập                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>Thẻ chính: Miễn phí.</li><li>Thẻ phụ: 2.000.000 VND. Miễn phí thẻ thứ nhất</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Miễn phí                                                                                         |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 2        | Phí thường niên (bao gồm VAT)                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 2.1      | Thẻ chính                                                                        | 19.900.000 VND<br>Miễn phí năm đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1.900.000 VND<br>Miễn phí đối với khách hàng ưu tiên                                             |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 2.2      | Thẻ phụ                                                                          | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Miễn phí                                                                                         |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 2.3      | Điều kiện chi tiêu miễn phí thường niên từ năm thứ 2                             | 500.000.000 VND                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 150.000.000 VND<br>Áp dụng đối với khách hàng không còn định danh ưu tiên                        |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 3        | Phí cấp PIN giấy                                                                 | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nhận tại Chi nhánh/Phòng giao dịch: 50.000 VND/Thẻ<br>Nhận theo địa chỉ yêu cầu: 100.000 VND/Thẻ |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 4        | Phí thay thẻ thẻ                                                                 | 2.000.000 VND/thẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 200.000 VND/thẻ/lần                                                                              |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 5        | Phí in thẻ vật lý từ thẻ phi vật lý                                              | Không áp dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Miễn phí                                                                                         |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 6        | Phí giao thẻ tận tay                                                             | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 7        | Phí gửi Bảng thông báo giao dịch qua email                                       | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 8        | Phí cấp bản sao Bảng thông báo giao dịch                                         | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 9        | Phí dịch vụ SMS banking                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 9.1      | Nhận SMS giao dịch của chính chủ thẻ                                             | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 9.2      | Chủ thẻ chính nhận SMS giao dịch của Chủ thẻ phụ                                 | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 10       | Phí thay đổi hạn mức tín dụng                                                    | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100.000 VND/lần                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 11       | Phí vượt hạn mức tín dụng                                                        | 0,1%/ngày trên số tiền vượt hạn mức, tối thiểu 10.000 VND                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 12       | Phí không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu                                | <ul style="list-style-type: none"><li>3% trên dư nợ cuối kỳ chưa thanh toán, tối thiểu 300.000 VND và tối đa 1.000.000 VND</li><li>Áp dụng thu khi số tiền thanh toán tối thiểu còn lại sau khi trừ những khoản đã thanh toán lớn hơn 50.000 VND</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 13       | Lãi suất trong hạn                                                               | 2.5%/tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,5% - 3,25%/ tháng                                                                              |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 14       | Lãi suất quá hạn                                                                 | 150% Lãi suất trong hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 15       | Phí dịch vụ trả góp                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 15.1     | Đăng ký tại đối tác liên kết nội địa (áp dụng giao dịch chi tiêu)                | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 15.2     | Đăng ký tại đối tác liên kết nước ngoài (áp dụng giao dịch chi tiêu)             | <table><tr><th>Kỳ hạn</th><th>Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup></th><th>Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup></th></tr><tr><td>3 tháng</td><td>1%</td><td rowspan="4">Miễn phí</td></tr><tr><td>6 tháng</td><td>2%</td></tr><tr><td>9 tháng</td><td>3,5%</td></tr><tr><td>12 tháng</td><td>5%</td></tr></table> <p><sup>(1)</sup>: Phí chuyển đổi trả góp tính trên số tiền chuyển đổi trả góp ban đầu và thu một lần tại thời điểm giao dịch chuyển đổi thành công</p> <p><sup>(2)</sup>: Phí quản lý giao dịch trả góp tính trên số tiền chuyển đổi trả góp ban đầu và thu từng lần vào kỳ sao kê hàng tháng</p>                                                                                                                                                           |                                                                                                  | Kỳ hạn | Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup> | Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup> | 3 tháng | 1%    | Miễn phí | 6 tháng | 2%    | 9 tháng | 3,5%  | 12 tháng | 5%    |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| Kỳ hạn   | Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup>                                            | Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 3 tháng  | 1%                                                                               | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 6 tháng  | 2%                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 9 tháng  | 3,5%                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 12 tháng | 5%                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 15.3     | Đăng ký trực tiếp tại ứng dụng ACB ONE/ CN/ PGD ACB (áp dụng giao dịch chi tiêu) | <table><tr><th>Kỳ hạn</th><th>Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup></th><th>Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup></th></tr><tr><td>3 tháng</td><td>1,99%</td><td rowspan="4">Miễn phí</td></tr><tr><td>6 tháng</td><td>3,99%</td></tr><tr><td>9 tháng</td><td>5,99%</td></tr><tr><td>12 tháng</td><td>6,99%</td></tr><tr><td>18 tháng</td><td>1%</td><td>1%</td></tr><tr><td>24 tháng</td><td>1%</td><td>1%</td></tr><tr><td>36 tháng</td><td>1%</td><td>1%</td></tr></table> <p><sup>(1)</sup>: Phí chuyển đổi trả góp tính trên số tiền chuyển đổi trả góp ban đầu và thu một lần tại thời điểm giao dịch chuyển đổi thành công</p> <p><sup>(2)</sup>: Phí quản lý giao dịch trả góp tính trên số tiền chuyển đổi trả góp ban đầu và thu từng lần vào kỳ sao kê hàng tháng</p> |                                                                                                  | Kỳ hạn | Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup> | Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup> | 3 tháng | 1,99% | Miễn phí | 6 tháng | 3,99% | 9 tháng | 5,99% | 12 tháng | 6,99% | 18 tháng | 1% | 1% | 24 tháng | 1% | 1% | 36 tháng | 1% | 1% |
| Kỳ hạn   | Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup>                                            | Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 3 tháng  | 1,99%                                                                            | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 6 tháng  | 3,99%                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 9 tháng  | 5,99%                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 12 tháng | 6,99%                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 18 tháng | 1%                                                                               | 1%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 24 tháng | 1%                                                                               | 1%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |
| 36 tháng | 1%                                                                               | 1%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                  |        |                                       |                                              |         |       |          |         |       |         |       |          |       |          |    |    |          |    |    |          |    |    |

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Loại phí                                                                                    | Visa Infinite                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Privilege Visa Signature                                       |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------|---------|------|----|---------|------|----|---------|------|----|----------|------|----|----------|------|----|----------|------|----|----------|------|----|
| 15.4                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đăng ký trực tiếp tại ứng dụng ACB ONE/ CN/ PGD ACB (áp dụng giao dịch rút tiền mặt)        | <table><tr><th>Kỳ hạn</th><th>Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup></th><th>Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup></th></tr><tr><td>3 tháng</td><td>1,2%</td><td>1%</td></tr><tr><td>6 tháng</td><td>1,2%</td><td>1%</td></tr><tr><td>9 tháng</td><td>1,2%</td><td>1%</td></tr><tr><td>12 tháng</td><td>1,2%</td><td>1%</td></tr><tr><td>18 tháng</td><td>1,5%</td><td>1%</td></tr><tr><td>24 tháng</td><td>1,5%</td><td>1%</td></tr><tr><td>36 tháng</td><td>1,5%</td><td>1%</td></tr></table> |                                                                | Kỳ hạn                                       | Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup> | Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup> | 3 tháng | 1,2% | 1% | 6 tháng | 1,2% | 1% | 9 tháng | 1,2% | 1% | 12 tháng | 1,2% | 1% | 18 tháng | 1,5% | 1% | 24 tháng | 1,5% | 1% | 36 tháng | 1,5% | 1% |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                             | Kỳ hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Phí chuyển đổi trả góp <sup>(1)</sup>                          | Phí quản lý giao dịch trả góp <sup>(2)</sup> |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                             | 3 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,2%                                                           | 1%                                           |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                             | 6 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,2%                                                           | 1%                                           |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                             | 9 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,2%                                                           | 1%                                           |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                             | 12 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1,2%                                                           | 1%                                           |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                             | 18 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1,5%                                                           | 1%                                           |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                             | 24 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1,5%                                                           | 1%                                           |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                             | 36 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1,5%                                                           | 1%                                           |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| <sup>(1)</sup> : Phí chuyển đổi trả góp tính trên số tiền chuyển đổi trả góp ban đầu và thu một lần tại thời điểm giao dịch chuyển đổi thành công<br><sup>(2)</sup> : Phí quản lý giao dịch trả góp tính trên số tiền chuyển đổi trả góp ban đầu và thu từng lần vào kỳ sao kê hàng tháng |                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 15.5                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí chấm dứt trả góp trước hạn (áp dụng giao dịch chỉ tiêu và giao dịch rút tiền mặt)       | 2% số tiền chuyển đổi trả góp ban đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 17                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí xử lý giao dịch (không áp dụng cho giao dịch VND)                                       | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0,9% số tiền giao dịch quy đổi, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 18                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí chênh lệch tỷ giá (không áp dụng cho giao dịch VND)                                     | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 19                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài (áp dụng cho giao dịch VND)                           | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1,2% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch         |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 20                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí dịch vụ giao dịch ghi có                                                                | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 21                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Các loại phí tại ATM                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 21.1                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí rút tiền mặt tại ATM ACB                                                                | 4% số tiền giao dịch, tối thiểu 100.000 VND                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 21.2                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 21.3                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí rút tiền mặt tại quầy trong hệ thống ACB                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 21.4                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí rút tiền mặt tại quầy ngoài hệ thống ACB                                                | Phí rút tiền mặt: 4% số tiền giao dịch, tối thiểu 100.000 VND<br>Phụ phí: Theo quy định NHQT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 22                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ                                                           | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100.000 VND/lần                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 23                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí tra soát giao dịch ( <i>được tính khi Chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch</i> ) | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100.000 VND/giao dịch khiếu nại                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 24                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí dịch vụ đăng ký hạn mức cao/ hạn mức giao dịch đặc biệt                                 | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 25                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí hủy thẻ (*)                                                                             | Không áp dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 26                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí vượt hạn mức chỉ tiêu tối đa theo ngành hàng (**)                                       | 2% tổng doanh số giao dịch tại các ngành hàng áp dụng. Tối thiểu 500.000 VND và tối đa 3.000.000 VND                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |
| 27                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí dịch vụ khác (***)                                                                      | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100.000 VND/lần                                                |                                              |                                       |                                              |         |      |    |         |      |    |         |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |          |      |    |

Một số lưu ý về biểu phí:

(\*)**Phí hủy thẻ:** Áp dụng hủy thẻ chính trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp thẻ, tính theo từng thẻ chính hủy.

(\*\*) **Phí vượt hạn mức chỉ tiêu tối đa theo ngành hàng áp dụng khi:**

- Tổng doanh số giao dịch tại các ngành hàng đặc thù vượt từ 80% tổng hạn mức tín dụng cấp cho khách hàng bao gồm tín chấp và thẻ chấp trong 2 tháng hoặc 2 kỳ sao kê liên tiếp, bao gồm Mã ngành hàng (MCC) các lĩnh vực sau:
  - ✓ 5499 – Cửa hàng thực phẩm, cửa hàng chuyên dụng,..
  - ✓ 5411 – Cửa hàng tạp hóa, siêu thị
  - ✓ 5541 – Trạm dịch vụ
  - ✓ 5542 – Tạm xăng tự động
  - ✓ 4900 – Tiện ích: điện, nước, gas,...
  - ✓ 4111 - Dịch vụ vận chuyển
- Tổng hạn mức tín dụng cấp cho khách hàng bao gồm tín chấp và thẻ chấp tối thiểu 20 triệu đồng.

(\*\*\*) **Phí dịch vụ khác:** Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:

- Chuyển đổi hình thức bảo đảm thẻ
- Cấp bản sao hóa đơn giao dịch

***Các lưu ý khác:***

- ✓ Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.
- ✓ Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ.
- ✓ Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%.
- ✓ Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.
- ✓ Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.